TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/KDTM-ST

Ngày: 22-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Minh Tân

2. Ông Đoàn Hồng Hải.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 15/2020/TLST - KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST - KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần D.

Địa chỉ trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: P.207, tòa nhà P, số 1-5 đường L, phường B, quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tiến D - Chức vụ: Giám đốc công ty

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Tiến Dương: Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Tầng B1, tòa nhà V, số 173 phố T, phường Y, quận C, thành phố H (theo văn bản ủy quyền ngày 13-11-2020).

* *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Địa chỉ trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 85 đường T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thanh N - Chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Thanh N: Bà Cao Thị H, sinh năm 1965 (theo văn bản ủy quyền ngày 02-02-2021).

Tại phiên tòa: Bà Vũ Thị Th và bà Cao Thị H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty Cổ phần D (sau đây viết tắt là công ty PSD) là nhà phân phối điện tử chính hãng tại Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt là công ty N) đã có nhiều năm thực hiện việc mua bán hàng hóa với nhau. Ngày 27-8-2019, công ty PSD và công ty N tái ký hợp đồng mua bán nguyên tắc số 20765-2019/PSDHAN-NHU08/HĐNT và phụ lục hợp đồng số 20765-2019/PSDHAN-NHU08/PLBL01HĐNT để tiếp tục thực hiện việc mua bán hàng hóa. Nội dung cơ bản của hợp đồng là: Công ty PSD đảm bảo cung cấp hàng hóa đúng chủng loại, chất lượng, có mác và nhãn hiệu của nhà sản xuất theo yêu cầu đặt hàng của công ty N. Công ty N có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền cho công ty PSD theo đúng thời hạn trên hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là hóa đơn VAT) do công ty PSD phát hành, hình thức thanh toán là chuyển khoản hoặc cấn trừ công nợ. Trường hợp công ty N chậm thanh toán so với thời hạn cam kết thì phải chịu lãi suất 0,05% trên tổng giá trị hợp đồng chưa thanh toán cho một ngày chậm thanh toán tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hợp đồng được thanh toán xong.

Theo yêu cầu đặt hàng của công ty N, công ty PSD đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng và xuất đầy đủ hóa đơn điện tử cho công ty N. Trong quá trình nhận hàng công ty N ký chứng từ đầy đủ và không có bất kỳ phản hồi thắc mắc nào đối với chủng loại, chất lượng hàng hóa cũng như hóa đơn, chứng từ của công ty PSD. Năm 2020 do làm ăn thua lỗ nên công ty N không thanh toán đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng. Cụ thể: Từ ngày 06-6-2020, công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ để phát sinh lãi chậm thanh toán. Sau khi công ty PSD nhiều lần yêu cầu đến ngày 07-8-2020 công ty N mới thanh toán cho công ty PSD số tiền 159.752.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 62.265.450 đồng. Từ đó đến nay, công ty N vẫn chưa thanh toán cho công ty PSD số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán. Nhiều lần phía công ty PSD đã làm việc để đối chiếu công nợ với công ty N, ngày 14-8-2020 và ngày 09-9-2020, công ty PSD và công ty N lập biên bản xác nhận công nợ, công ty N xác nhận vẫn còn nợ công ty PSD số tiền gốc là 62.265.450 đồng và cam kết sẽ thanh toán hết nợ theo từng đợt. Để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ, phía nguyên đơn có quan điểm: nếu bên phía bị đơn thanh toán dứt điểm một lần thì bên phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả toàn bộ tiền gốc là 62.265.450 đồng và khoảng 7.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là khoảng 70.000.000 đồng. Còn nếu công ty N không chấp nhận phương án này thì công ty PSD giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thành phố N: Buộc công ty N phải trả cho công ty PSD số tiền còn nợ tính đến hết ngày 22-3-2021 tổng cộng là 78.713.000 đồng (Trong đó: nợ gốc là 62.265.450 đồng, nợ lãi là 16.448.000 đồng). Đồng thời, buộc công ty N phải trả lãi chậm thanh toán kể từ ngày 23-3-2021 cho đến

ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán nguyên tắc số 20765-2019/PSDHAN-NHU08/HĐNT ngày 27-8-2019.

2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Cao Thị H trình bày: Bà xác nhận nội dung hợp đồng mua bán nguyên tắc số 20765-2019/PSDHAN-NHU08/HĐNT ngày 27-8-2019, số tiền gốc, lãi còn nợ cũng như quá trình vi phạm hợp đồng như đại diện công ty PSD đã trình bầy ở trên là đúng. Sau khi ký hợp đồng hai bên đã thực hiện mua bán hàng hóa nhiều lần và công ty N đã thanh toán cho công ty PSD đúng hạn các lần này như trong hợp đồng. Năm 2020 do làm ăn thua lỗ nên Công ty N chưa thanh toán được số tiền nợ còn lại cho công ty PSD. Hai bên đã nhiều lần làm việc đối chiếu công nợ, công ty N xác nhận đến nay chưa thanh toán số tiền nợ tính đến hết ngày 22-3-2021 là 78.713.000 đồng (Trong đó: nợ gốc là 62.265.450 đồng, nợ lãi là 16.448.000 đồng) cho công ty PSD. Hiện tại công ty N đang gặp khó khăn, do dịch Covid nên công ty phải trả lại mặt bằng cho chủ nhà mới làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh, công ty PSD và công ty N là đối tác làm ăn lâu năm nên công ty N xin được trả dần cho công ty PSD từ đầu năm 2022 mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng đến hết nợ gốc là 62.265.450 đồng và đề nghị công ty PSD xóa tiền lãi cho công ty N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hợp đồng mua bán nguyên tắc số 20765-2019/PSDHAN-NHU08/HĐNT ngày 27-8-2019 giữa công ty PSD và công ty N được ký kết giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại Điều 3 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tại Điều 11 của Hợp đồng mua bán các bên thỏa thuận Tòa án là nơi có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Mặt khác, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty N có trụ sở chính tại địa chỉ: số 85 Thành Chung, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về hợp đồng mua bán hàng hóa:

Hợp đồng mua bán nguyên tắc số 20765-2019/PSDHAN-NHU08/HĐNT ngày 27-8-2019 được lập thành văn bản, do người đại diện hợp pháp của hai công ty có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện ký kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005; Điều 117, Điều 119, Điều 430 Bộ luật

Dân sự năm 2015. Như vậy hợp đồng giữa hai bên đã được giao kết hợp pháp và có hiệu lực thực hiện.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi chậm thanh toán:

- Về nợ gốc: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được các đương sự xác nhận trong quá trình tố tụng: Sau khi ký hợp đồng hai bên đã thực hiện việc mua bán hàng hóa và thanh toán nhiều lần. Tuy nhiên từ năm 2020 do làm ăn thua lỗ nên công ty N không thanh toán đúng thời hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Cụ thể: Từ ngày 06-6-2020, công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc để phát sinh lãi chậm thanh toán. Sau nhiều lần công ty PSD yêu cầu đến ngày 07-8-2020 công ty N mới thanh toán cho công ty PSD số tiền 159.752.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 62.265.450 đồng. Từ đó đến nay, công ty N vẫn chưa thanh toán cho công ty PSD số tiền nợ gốc còn lại. Như vậy công ty N đã vi phạm Điều 5 của hợp đồng mua bán nguyên tắc số 20765-2019/PSDHAN-NHU08/HĐNT. Vì vậy, căn cứ nội dung hợp đồng mua bán; Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005; Điều 280, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty PSD về việc yêu cầu công ty N trả số tiền nợ gốc là 62.265.450 đồng.

- Về lãi suất chậm thanh toán: Các đương sự đều xác nhận: Từ ngày 06-6-2020, công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc để phát sinh lãi chậm thanh toán. Tại điểm 5.1.3 khoản 5.1 Điều 5 của hợp đồng mua bán có quy định: Trường hợp bên B thanh toán chậm trễ so với thời hạn cam kết thì phải chịu lãi suất chậm thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn. Tỷ lệ lãi suất chậm thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn là 0,05%/ngày tính từ ngày đến hạn thanh toán... quy đổi là: 0,05%/ngày x 365 ngày = 18,25%/năm. Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng...thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường..."*. Trên địa bàn thành phố N, mức lãi suất quá hạn tại thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định của Ngân hàng Vietcombank là 16,2%, của Ngân hàng Vietinbank là 14,4%, của Ngân hàng TPBank là 25,5%, quy đổi mức lãi suất quá hạn trung bình của ba Ngân hàng là: (16,2% + 14,4% + 25,5%)/3 = 18,7%. Do đó, lãi suất chậm thanh toán các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng là không vi phạm quy định của pháp luật nên có giá trị thực hiện. Căn cứ nội dung hợp đồng mua bán; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 280, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, Án lệ số 09/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của công ty PSD về việc buộc công ty N trả tiền lãi suất chậm thanh toán tính đến hết ngày 22-3-2021 là 16.448.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 78.713.000 (Bảy mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn) đồng (đã làm tròn số).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 23-3-2021), công ty N còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán của số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán nguyên tắc số 20765-2019/PSDHAN-

NHU08/HĐNT ngày 27-8-2019 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc cho công ty PSD.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định cụ thể như sau:

Do được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên công ty PSD không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tiền tạm ứng án phí do công ty PSD đã nộp khi khởi kiện sẽ được trả lại toàn bộ.

Công ty N có nghĩa vụ trả nợ nên sẽ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền nợ phải trả. Cụ thể là: 78.713.000 x 5% = 3.935.000 (Ba triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng (đã làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 280, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, Án lệ số 09/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần D:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần D số tiền còn nợ (đã làm tròn số), tổng cộng là 78.713.000 (Bảy mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn) đồng (Trong đó: nợ gốc là 62.265.450 đồng, nợ lãi chậm thanh toán là 16.448. 000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 23-3-2021), Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán của số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán nguyên tắc số 20765-2019/PSDHAN-NHU08/HĐNT ngày 27-8-2019 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc cho Công ty Cổ phần D.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Trả lại Công ty Cổ phần D số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 (Ba triệu) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003434 ngày 24-12-2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải nộp số tiền án phí là 3.935.000 (Ba triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần D, Công ty trách nhiệm hữu hạn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án Dân sự và bên phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng